

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Luật công đoàn, Luật thanh niên và Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 708/TTr-SNV ngày 29 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ và Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, ban, TT thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NV (V-05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Mỹ

QUY CHẾ

Tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, buôn (gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố (gọi chung là tổ dân phố); tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Trường hợp văn bản viện dẫn áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Đối tượng áp dụng

Người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Thôn, tổ dân phố được tổ chức ở cấp xã.

3. Trường hợp cần thiết do đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa hoặc yêu cầu quản lý thực tế của địa phương thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu hoặc tên gọi cộng đồng dân cư khác phù hợp với thực tiễn địa phương.

4. Thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù

Đối với các thôn, tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định nhưng có những yếu tố đặc thù; trong quá trình xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, buôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát toàn diện các yếu tố về điều kiện tự nhiên, địa bàn cư trú, đặc điểm dân cư, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, dân tộc, quốc phòng, an ninh và yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương để xây dựng phương án sắp xếp phù hợp với tình hình thực tế. Trong quá trình rà soát, xem xét đối với một số địa bàn có đặc điểm, như sau:

a) Khu vực đồng bào dân tộc thiểu số; có đặc trưng riêng về văn hóa, phong tục, tập quán và không gian sinh hoạt cộng đồng truyền thống; có lịch sử hình thành lâu đời; có tên gọi truyền thống; gắn với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, nhà sinh hoạt cộng đồng, có định hướng bảo tồn văn hóa, giá trị truyền thống hoặc các yếu tố đặc trưng văn hóa cộng đồng;

b) Khu vực thuộc địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; địa hình chia cắt, biệt lập bởi sông, suối, hồ chứa, núi, đồi hoặc rừng tự nhiên; giao thông đi lại khó khăn; dân cư phân tán, không tập trung;

c) Khu vực biên giới, địa bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh hoặc khu vực bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; khu vực cần bảo đảm yêu cầu quản lý dân cư, quản lý địa bàn và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ;

d) Khu vực đô thị miền núi, khu vực đang trong quá trình đô thị hóa, tái định cư hoặc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động đánh giá đầy đủ tác động của việc sắp xếp đối với đời sống Nhân dân, công tác quản lý địa bàn, việc giữ gìn bản sắc văn hóa cộng đồng và các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; tổng hợp, xây dựng phương án, đề án phù hợp, báo cáo cấp ủy cùng cấp trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan của số liệu, hồ sơ, tài liệu và các nội dung đề xuất trong quá trình xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Chương II

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 3. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn; tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Ngoài chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, việc bố trí các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố để hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc thực hiện các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Hoạt động của thôn, tổ dân phố

Hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Các hình thức hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị của thôn, tổ dân phố được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào thời gian cuối năm. Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố có trách nhiệm triệu tập, chủ trì hội nghị. Thành phần tham dự hội nghị là đại diện của toàn thể các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

2. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình để Nhân dân bàn và quyết định theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

4. Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền hạn và mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở thôn, tổ dân phố và cấp ủy, đồng thời chịu sự quản lý, chỉ đạo hoạt động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp chặt chẽ với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn nhằm tổ chức cho Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Trung ương, địa phương đóng trên địa bàn; các thôn, tổ dân phố trong cùng xã, phường và các xã, phường liền kề để thực hiện tốt công tác tự quản ở thôn, tổ dân phố mình.

Điều 7. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số

10/2022/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15; Luật số 97/2025/QH15 và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Trong trường hợp thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, hoặc trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

Điều 8. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Chương III

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 9. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và thực hiện theo Quy định của Tỉnh ủy về khung tiêu chuẩn Bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên chi bộ thôn, tổ dân phố; trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố trong tỉnh.

2. Tiêu chuẩn của Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và các quy định của điều lệ tổ chức mà Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố là thành viên.

3. Tiêu chuẩn của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Tiêu chuẩn của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và các quy định của điều lệ tổ chức mà người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố là thành viên.

b) Trường hợp người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có yếu tố đặc thù thì căn cứ tình hình thực tế, ưu tiên lựa chọn người có uy tín, am hiểu phong tục, tập quán, ngôn ngữ, văn hóa của cộng đồng dân cư.

Điều 10. Nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 6 của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ của Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và các quy định của điều lệ tổ chức mà Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố là thành viên.

3. Nhiệm vụ của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có trách nhiệm tham gia các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư và các quy định của điều lệ tổ chức mà người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố là thành viên.

Điều 11. Quản lý, sử dụng

Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã, các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định của điều lệ tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố là thành viên.

Điều 12. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao; ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân, hòa giải ở cơ sở, tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

2. Khi được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 13. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thực hiện nhiệm vụ hoặc không còn được Nhân dân tín nhiệm; có hành vi tham nhũng, lãng phí, vi phạm pháp luật; không chấp hành sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc vi phạm quy định của tổ chức

mà mình là thành viên thì Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thực hiện việc thay thế, cho thôi làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Các Sở, ban, ngành

a) Sở Nội vụ: Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy chế này trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hàng năm báo cáo việc thực hiện Quy chế cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

b) Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quy định liên quan đến việc sử dụng, quản lý kinh phí, thực hiện quy định của pháp luật về ngân sách theo quy định hiện hành.

c) Các Sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến người hoạt động không chuyên trách, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định.

b) Quản lý, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố tại địa phương.

3. Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.